

**BẢN TIN VỤ HÈ THU 2018**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH VỤ HÈ THU**

**Lưu vực sông Mã tỉnh Thanh Hóa**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Thanh Hóa	33.6	-52.5	-58.3	-84.2	500.2
Tĩnh Gia	133.7	-49.4	-56.2	-08.2	521.7
Như Xuân	96.5	-37.9	-42.0	-31.9	641.7
Bái Thượng	67.0	-40.5	-40.1	-58.3	692.9
Hồi Xuân	84.2	-27.0	-35.4	-07.9	861.4
Yên Định	39.0	-44.8	-59.0	-72.2	542.5
<b>Trung bình</b>	74.0				700.7

**Nhận xét:** Lượng mưa trong vụ Hè Thu 2018 tại các trạm vùng lưu vực sông Mã có thể thấp hơn so với TBNN khoảng 27-52%, thiếu hụt nhiều nhất tại vùng Thanh Hóa, ít nhất ở Hồi Xuân; tại Tĩnh Gia, Bái Thượng và Yên Định thấp hơn từ 40-49%, vùng Như Xuân thấp hơn khoảng 38%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng có khả năng thấp hơn từ 35 -59%.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

### a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	Năm 2017	Năm 2016		
Cửa Đạt	1062.39	66.44		+58.86	+81.77	Tăng	70.55
Đ. Bái Thượng							
Bến Mây	200.00	97.88		+61.86	+148.85	Tăng	40.33
Mậu Lâm	0.38	86.55		-17.75	-23.20	Giảm	74.99
Đồng Bê	1.97	59.55		-3.77	-31.60	Giảm	76.25
Yên Mỹ	87.13	50.89		-1.23	-22.51	Tăng	37.73
Hao Hao	7.44	89.24		-6.05	-6.80	Giảm	64.34
Kim Giao II	2.41	50.35		-23.51	-25.61	Tăng	28.34
Quế Sơn	0.53	67.49		+2.15	-28.63	Giảm	38.24
Đồng Ngư	8.08	66.24		+30.33	+48.00	Tăng	18.23
Xuân Lũng	2.58	55.58		+1.98	+103.97	Tăng	23.52
Đồng Múc	1.17	59.65		-3.15	-3.15	Tăng	21.46
Tây Trác	3.16	53.52		-17.34	-32.36	Tăng	6.58
Bình Công	4.06	82.03		-5.60	+18.27	Tăng	30.65
Vũng Sú	1.81	64.76		-3.83	+12.33	Tăng	63.70
Bằng Lợi	0.65	49.99		-11.16	+29.19	Tăng	MNC
Đồng Phú	0.54	94.37		-1.05	-2.67	Tăng	MNC
Trưa Vắn	0.29	47.60		-33.17	-59.82	Giảm	MNC



Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế ( triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
			TBNN	Năm 2017	Năm 2016		
Quèn Kìm	0.21	84.73		+14.63	+6.65	Tăng	MNC
Hàm Rồng	0.23	93.04		+10.17	-4.97	Tăng	MNC
Xóm Yên	0.20	91.34		-0.59	-3.73	Tăng	MNC
Vinh Quang	0.65	72.00		+11.96	-2.80	Tăng	0.75
Duồng Cốc	6.07	59.13		-20.28	-21.25	Giảm	53.46
Cống Khê	4.37	65.14		-16.04	-22.79	Giảm	54.77
Bai Manh-Bai Lim	1.36	65.58		-18.62	-10.82	Giảm	60.10
Bai Sơn	0.70	47.89		-26.71	-25.19	Giảm	69.70
Bai Ngọc	0.15	62.91		-13.73	-17.19	Giảm	MNC
Trung Tọa	0.35	47.40		-32.96	-41.89	Giảm	MNC
Chòm Mót	0.31	84.17		-15.83	-13.08	Giảm	69.86
Bai Ao	0.43	83.74		-3.76	-1.21	Giảm	77.15
Đồng Tiến	0.15	79.52		-20.48	-21.18	Giảm	69.45
Thung Bằng	3.46	53.99		-22.78	-9.14	Giảm	45.26
<b>Trung bình tổng</b>		<b>69.98</b>		<b>+51.33</b>	<b>+74.70</b>		<b>61.68</b>

MNC: Mục nước chết

### Nhận xét:

- Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa tỉnh Thanh Hóa là 981,91 triệu m<sup>3</sup> đạt 69,98% so với thiết kế. Trong đó 12/32 hồ đập trên lưu vực sông Mã có dung tích trữ đạt trên 70% so với thiết kế.

- Dự báo xu thế nguồn nước của các công trình tỉnh từ thời điểm hiện tại đến cuối vụ Hè Thu năm 2018 như sau:

+ 12 hồ dự báo đến cuối vụ dung tích hồ vẫn đạt trên 50% và đảm bảo tưới như: hồ Mậu Lâm (74,99%), hồ Đồng Bê (76,25%), hồ Hao Hao (64,34%), hồ Vũng Sú



(63,70%), hồ Vinh Quang (74,76%), hồ Duông Cốc (53,46%), hồ Công Khê (54,77%), hồ Bai Manh-Bai Lim (60,10%), hồ Bai Sơn (69,70%), hồ Chòm Mót (69,86%), hồ Bai Ao (77,15%) và hồ Đồng Tiên (77,15%).

+ 9 hồ có dung tích trữ đến cuối vụ được dự báo thấp hơn 50%: hồ Bến Mây (40,33%), hồ Yên Mỹ (37,73%), hồ Kim Giao II (28,34%), hồ Quế Sơn (38,24%), hồ Đồng Ngư (18,23%), hồ Xuân Lũng (23,52%), hồ Đồng Múc (21,46%), hồ Bình Công (30,65%), hồ Thung Bằng (45,26%).

+ 10 hồ còn lại theo tính toán dự báo mực nước cuối vụ sẽ về MNC và xấp xỉ MNC. Trong đó các hồ được dự báo mực nước đến cuối vụ về MNC gồm các hồ: Bằng Lợi, Đồng Phú, Trưa Vân, Quèn Kim, Hàm Rồng, Xóm Yên, Bai Ngọc, Trung Toạ và 2 hồ được dự báo có nguy cơ cao về MNC gồm hồ Tây Trác (6,58%), Vinh Quang (0,75%).

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du (nếu có)

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế ( triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến hồ so với TBNN
			Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Cửa Đạt	1062.39	705.90		+58.86%	+81.77%	
Trung Sơn	348.50	348.50				
Hủa Na	569.35	388.15		-5.08%	-8.38%	
<b>Trung bình</b>						

#### Nhận xét:

Với hệ thống hồ Cửa Đạt, mực nước hiện tại hồ Cửa Đạt là 96,74 m tương ứng với dung tích 705,90 triệu m<sup>3</sup> (thấp hơn so với mực nước dâng bình thường 13,26 m) tăng 58,86% so với cùng kỳ năm 2017, và tăng 81,77% so với cùng kỳ năm 2016.

Thủy điện Trung Sơn hiện tại có dung tích trữ là 348,50 triệu m<sup>3</sup> đạt 100% dung tích thiết kế.

Hồ thủy điện Hủa Na dung tích trữ hiện tại là 388,15 triệu m<sup>3</sup> giảm (-5,08%) so với cùng kỳ năm 2017, giảm (-8,38%) so với cùng kỳ năm 2016.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

### 1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi



- Tổng nhu cầu nước cho vụ Hè Thu năm 2018 của toàn bộ diện tích 32 công trình hồ đập phụ trách là 1093,55triệu m<sup>3</sup>.

- Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy: 21/32 hồ đập đáp ứng 100% nhu cầu cấp nước tương đương 67,74% hồ chứa trên lưu vực sông Mã và phụ cận đáp ứng đủ nhu cầu nước cho tới hết vụ Hè Thu 2018. Còn lại trên lưu vực có 8 hồ chứa đáp ứng đủ 100% nhu cầu nước, cụ thể: 3 hồ chứa đáp ứng trên 90% gồm hồ Đồng Phú (90%), Trưa Vàn (91,54%), Hàm Rồng (93,66%); 5 hồ chứa đáp ứng dưới 90% nhu cầu nước như Bằng Lợi (57%), Quèn Kim (78%), Xóm Yên (61%), Bai ngọc (55,8%), Trung Tọa (49,61%). Ngoài ra, theo dự báo hồ Tây Trác có nguy cơ dung tích đến cuối vụ về xấp xỉ dung tích chết, vậy cần có kế hoạch cụ thể, tưới tiết kiệm và trữ nước trong mùa mưa nhằm đảm bảo cấp đủ nước trong vụ Hè Thu.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2018 trên lưu vực Sông Mã và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:

Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi Chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Cửa Đạt	66.44	43073.45	70.55	100.00	43073.45	
Đ. Bái Thượng		43073.45				
Bến Mây	97.88	5898.90	40.33	100.00	5898.90	
Mậu Lâm	86.55	361.20	74.99	100.00	361.20	
Đồng Bể	59.55	129.00	76.25	100.00	129.00	
Yên Mỹ	50.89	2722.00	37.73	100.00	2722.00	
Hao Hao	89.24	266.70	64.34	100.00	266.70	
Kim Giao II	50.35	163.00	28.34	100.00	163.00	
Quế Sơn	67.49	55.40	38.24	100.00	55.40	
Đồng Ngư	66.24	426.60	18.23	100.00	426.58	
Xuân Lũng	55.58	115.20	23.52	100.00	115.20	



Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi Chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Đồng Múc	59.65	85.70	21.46	100.00	85.70	
Tây Trác	53.52	317.30	6.58	100.00	317.30	Nguy cơ thiếu nước
Bình Công	82.03	226.80	30.65	100.00	226.80	
Vũng Sú	64.76	195.80	63.70	100.00	195.80	
Bằng Lợi	49.99	97.00	MNC	57.73	56.00	Nguy cơ thiếu nước cao
Đồng Phú	94.37	80.00	MNC	90.00	72.00	Nguy cơ thiếu nước cao
Trưa Vần	47.60	65.00	MNC	91.54	59.50	Nguy cơ thiếu nước cao
Quền Kìm	84.73	37.20	MNC	78.49	29.20	Nguy cơ thiếu nước cao
Hàm Rồng	93.04	47.30	MNC	93.66	44.30	Nguy cơ thiếu nước cao
Xóm Yên	91.34	39.00	MNC	61.54	24.00	Nguy cơ thiếu nước cao
Vinh Quang	72.00	43.80	0.75	100.00	43.80	Nguy cơ thiếu nước
Duồng Cốc	59.13	321.60	53.46	100.00	321.60	
Cống Khê	65.14	114.90	54.77	100.00	114.90	
Bai Manh-Bai Lim	65.58	76.00	60.10	100.00	76.00	
Bai Sơn	47.89	63.50	69.70	100.00	63.50	
Bai Ngọc	62.91	66.20	MNC	55.89	37.00	Nguy cơ thiếu nước cao
Trung Tọa	47.40	141.10	MNC	49.61	70.00	Nguy cơ thiếu nước cao
Chòm Mót	84.17	70.00	69.86	100.00	70.00	
Bai Ao	83.74	43.50	77.15	100.00	43.50	
Đồng Tiến	79.52	55.00	69.45	100.00	55.00	
Thung Bằng	53.99	161.10	45.26	100.00	161.10	





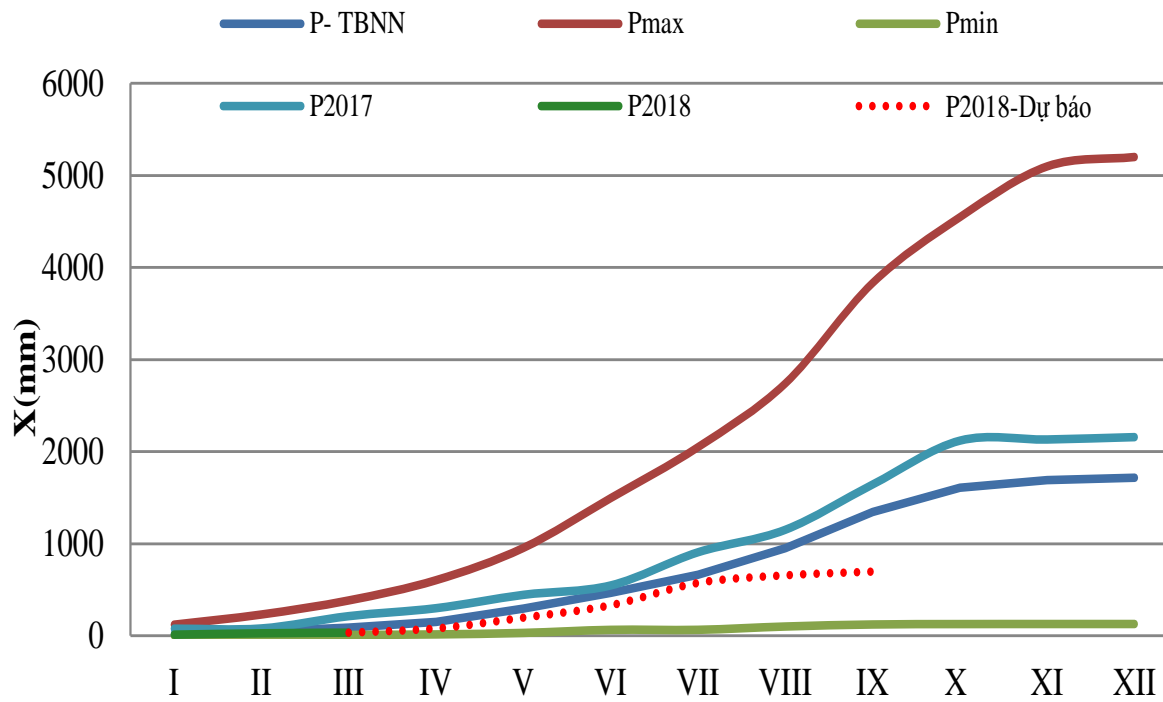
## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Thanh Hóa	TP Thanh Hóa	841.0	-09.7	-49.5	-72.1	Rủi ro hạn thấp
Tĩnh Gia	Huyện Tĩnh Gia	962.1	+02.2	-45.9	-67.5	Rủi ro hạn thấp
Như Xuân	Huyện Như Xuân	1092.7	+77.1	-35.5	-59.4	Rủi ro hạn thấp
Bái Thượng	Huyện Thường Xuân	1157.8	+20.5	-40.0	-60.4	Rủi ro hạn thấp
Hồi Xuân	Huyện Quan Hóa	1396.7	+45.3	-20.9	-47.7	Rủi ro hạn thấp
Yên Định	Huyện Yên Định	910.5	+07.2	-39.9	-62.4	Rủi ro hạn thấp

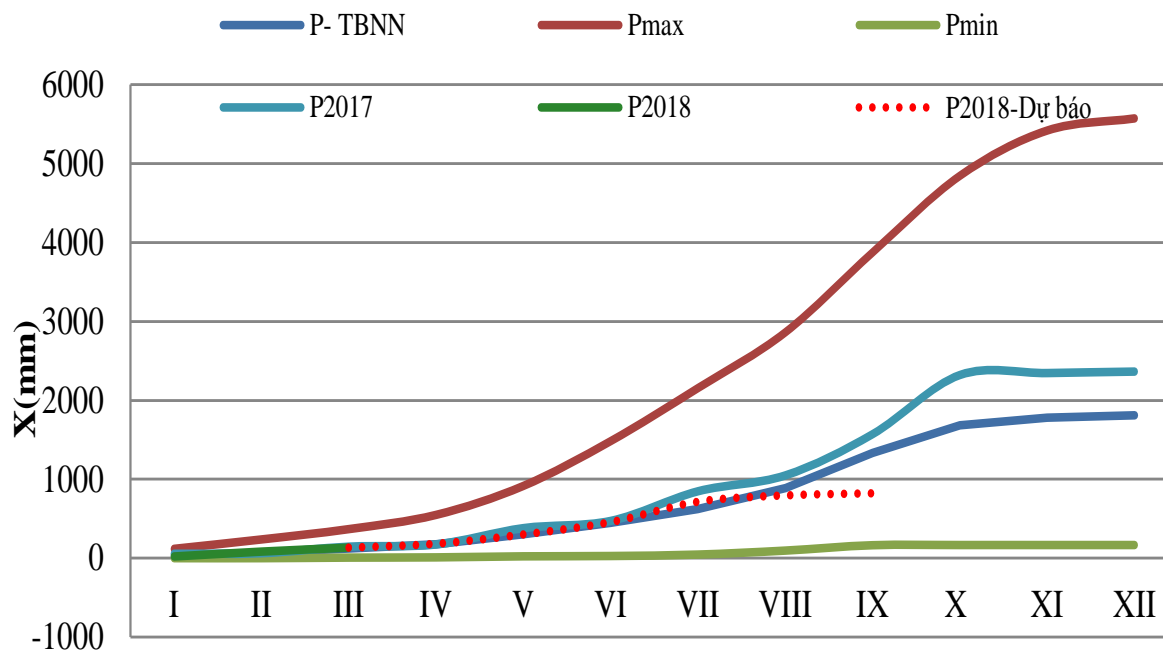
**Nhận xét và khuyến cáo:** Lượng mưa cộng dồn từ đầu năm 2018 tính đến thời điểm hiện tại vùng ven biển tại Thanh Hóa, Yên Định thấp hơn TBNN (từ 45 ÷ 62% so với TBNN), tại Bái Thượng thấp hơn khoảng 35%, ven biển phía Nam tại Tĩnh Gia và Như Xuân cao hơn khoảng 9-12%, tại Hồi Xuân lại cao hơn khoảng 23%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng lại thấp hơn từ (8 ÷ 84.2%) nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm.



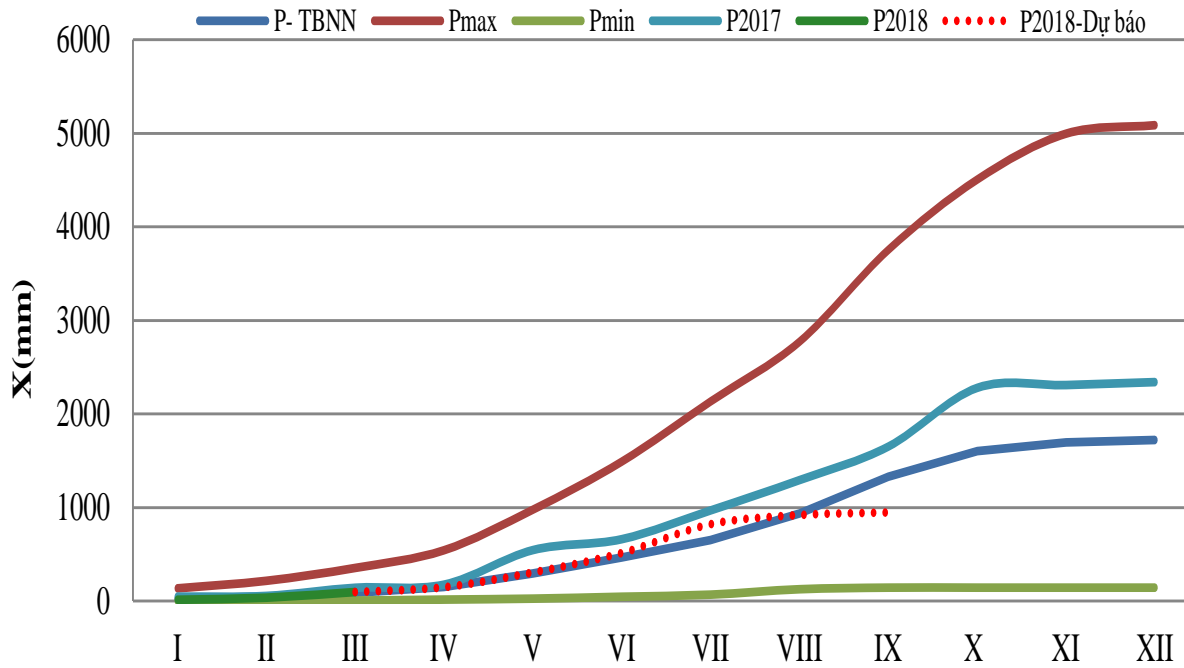
## Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Thanh Hóa



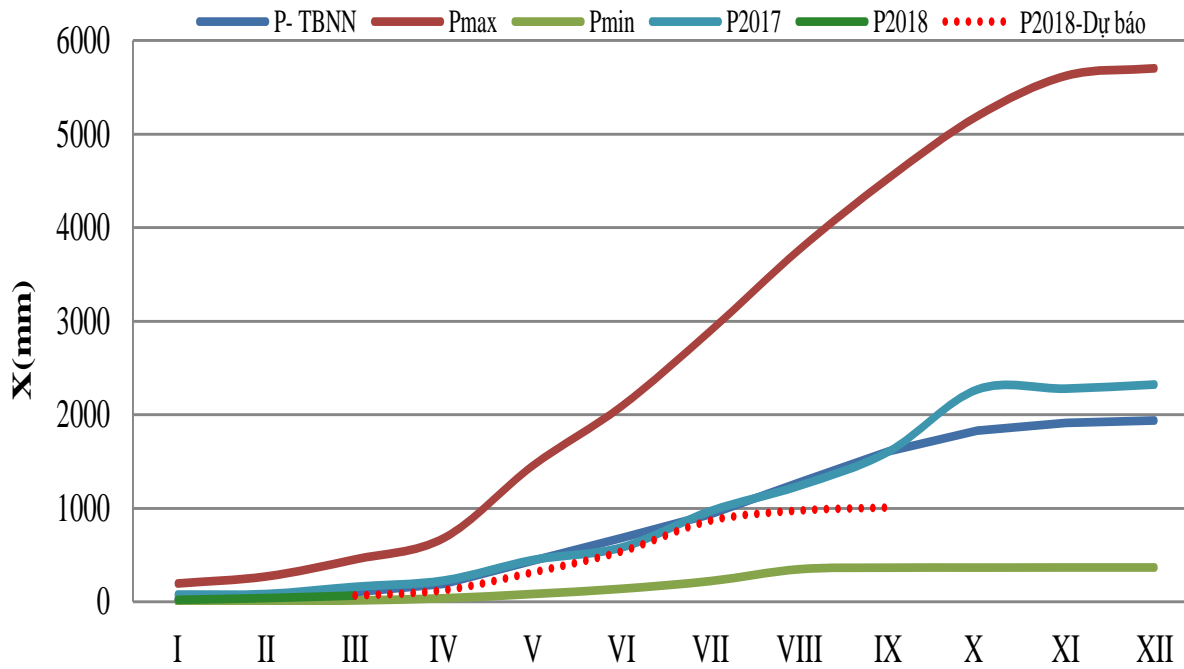
## Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Tĩnh Gia

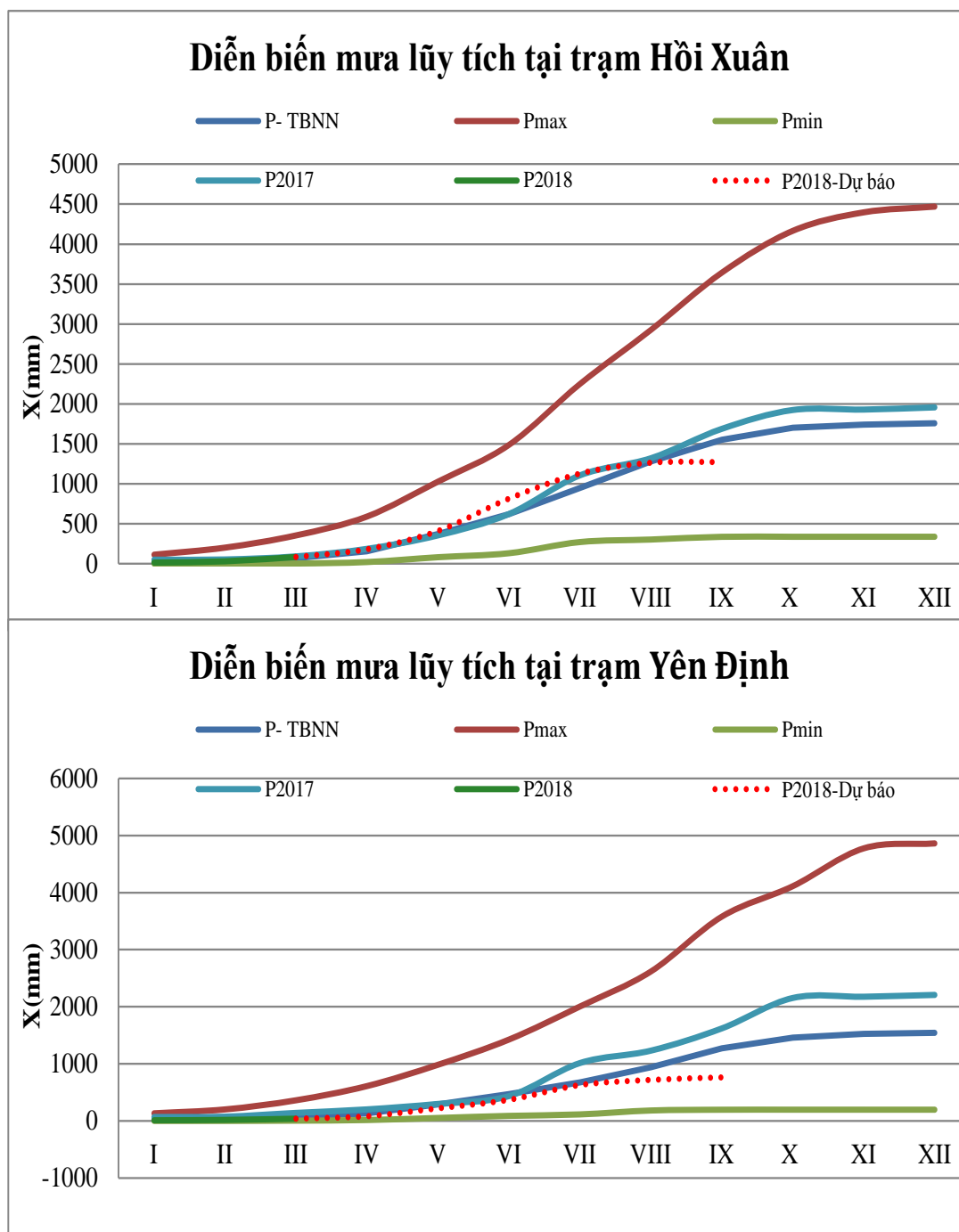


## Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Như Xuân



## Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Bái Thượng





Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Mã

Ghi chú:

*P-TBNN*: Lượng mưa trung bình nhiều năm

*Pmax*: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

*Pmin*: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

*P-Thực đo2017-2018*: Lượng mưa thực đo năm 2017 và năm 2018

*P-Dự báo2018*: Lượng mưa dự báo năm 2018

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Nguồn nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu năm 2018 trên lưu vực sông Mã và phụ cận, dự báo có 21/32 hồ đập tương đương 67,74% số hồ bảo đảm cấp đủ nước cho sản xuất.

Tuy nhiên, còn một số hồ như hồ Quế Sơn, Bằng Lợi, Bai Ngọc, Trung Toạ, Quèn Kim, Trưa Vân, Xóm Yên, Hàm Rồng chưa đáp ứng đủ 100% nhu cầu nước. Do vậy đề nghị các địa phương, công ty TNHH MTV Sông Chu, chi nhánh thủy nông Thạch Thành, chi nhánh thủy nông Ngọc Lặc... cần tiếp tục theo dõi và cập nhật diễn biến thời tiết từ nay đến hết vụ Hè Thu để có giải pháp trữ nước, điều tiết kịp thời cho các hồ thiếu nước nêu trên.

**Bản tin tiếp theo sẽ được cập nhật ngày 20/4/2018.**

